| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 14-10- 2019
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Liên**
*Các Thẩm phán*: Ông **Bùi Xuân Liêm**
Ông **Phạm Quốc Bảo**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 , tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2019/TLPT - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2019/ HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Trần Hữu L1**, sinh năm 1978.
*Bị đơn:* Chị **Phan Thị Bích L2**, sinh năm 1980.
Cùng trú tại: Tổ 7, Thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
*Người kháng cáo*: Chị **Phan Thị Bích L2** - Bị đơn

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Hữu L1 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu L1 và chị Phan Thị Bích L2 tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2003. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù mâu thuẫn diễn ra đã lâu, anh đã cố gắng sống vì các con nhưng vẫn không thể khắc phục được, từ năm 2013 đến nay anh và chị L2 tuy cùng chung sống trong một nhà

nhưng không quan tâm đến nhau, chị L2 sáng sớm đi làm đến tối mới về không chăm lo gia đình, bỏ bê các con. Trong khi anh vừa phải chăm con, vừa chăm sóc cha mẹ già, cha của anh bị tai biến nằm một chỗ. Nay anh L1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị L2.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là: Cháu Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 và Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011. Hiện tại đang sống chung cùng gia đình anh, nếu ly hôn anh xin được nuôi 02 con chung đến 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh Lợi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Phan Thị Bích L2 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bích L2 thống nhất với lời trình bày của anh Trần Hữu L1 về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, chị L2 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng phải ly hôn, chị vẫn còn tình cảm với anh L1, nếu ly hôn thì các con bị thiệt thòi nên chị không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L1 và đề nghị Tòa án cho anh chị được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung như anh L1 trình bày là Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 và Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011, chị L2 có nguyện vọng đoàn tụ nên không có ý kiến gì về con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L1 thì chị xin nuôi hết cả 02 con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2019/ HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu L1, anh Trần Hữu L1 được ly hôn với chị Phan Thị Bích L2.

2. Về con chung và nuôi con: Giao cháu Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, trưởng thành.

Giao cháu Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 cho chị L2 trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, trưởng thành.

Anh L1 và chị L2 mỗi người trực tiếp nuôi mỗi cháu và không có ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L1 và chị L2 khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2019 bị đơn chị Phan Thị Bích L2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L1 và chị L2 trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Bản án sơ thẩm số 67/2019/ HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L1, xử cho anh L1 được ly hôn với chị L2 là phù hợp với quy định của pháp luật. Về con chung: Bản án sơ thẩm giao cháu Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 cho chị L2 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ có tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị Bích L2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án; chị L2 không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con, đồng thời yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng là 02 mảnh đất tại thị trấn H, huyện T và tại xã B, huyện T, để đảm bảo mẹ con có chỗ ở ổn định sau khi ly hôn, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm được quy định tại điểm b khoản 2 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Bích L2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: giữa anh Trần Hữu L1 và chị Phan Thị Bích L2 là hôn nhân tự nguyện hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2003 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/2/2003. Chị L2 và anh L1 đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hơn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặc dù sống chung trong nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Theo lời khai của anh L1 thì hiện nay anh vẫn còn

thương yêu chị L2 nhưng do chị L2 thường xuyên đi dạy cả ngày từ 6 giờ sáng đến 8-9 giờ tối mới về nhà không có ngày nào chị ở nhà, nên việc chăm sóc gia đình, con cái, bố mẹ già ốm đau từ nhiều năm nay đều do mình anh phải gánh vác, chị L2 không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần anh khuyên nhưng chị L2 vẫn không thay đổi, nên anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L2 thừa nhận là do công việc của chị nhiều, ngoài việc dạy ở trường chị còn dạy thêm, dạy kèm, bên cạnh đó chị cũng không muốn về nhà chồng vì chị không được tôn trọng nên sau khi dạy xong ở trường buổi sáng chị không về nhà chồng mà về nhà mẹ ruột ở để chiều tiếp tục đi dạy, với công việc nhiều nên chị không có thời gian để chăm sóc cho chính bản thân và gia đình. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L2 không hợp tác nên Tòa án sơ thẩm không tiến hành hòa giải được. Anh L1, chị L2 mâu thuẫn từ nhiều năm nay nên anh L1 không thống nhất đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L1 và chị L2 trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Bản án sơ thẩm số 67/2019/ HNGĐ-ST, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L1, xử cho anh L1 được ly hôn với chị L2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh L1, chị L2 có 02 con chung là: Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 và Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với cả ba và mẹ. Tuy nhiên, theo nguyện vọng của anh L1 và chị L2, nếu Tòa án cho ly hôn thì cả hai đề nghị được nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị L2 đều thừa nhận do công việc nên chị đi dạy cả ngày, không có thời gian để thường xuyên chăm sóc cho gia đình. Mức thu nhập tiền lương của anh L1 là 4.142.687 đồng/ tháng, ngoài ra còn thu nhập chạy xe dịch vụ là 3.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập tiền lương và dạy thêm của chị L2 là 8.000.000 đồng/tháng, với mức thu nhập hiện nay của anh L1, chị L2 xét thấy không đảm bảo để giao hai con chung cho một người nuôi dưỡng. Hiện nay, Cháu H2 còn nhỏ thường xuyên sống chung với anh L1. Cháu H1 học lớp 11, cần phải có người chăm sóc để ổn định cho cháu học hành trong những năm cuối cấp và chuẩn bị vào đại học. Xét yêu cầu xin nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh L1 và chị L2 là chính đáng nhưng khi giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung, do đó bản án sơ thẩm giao cháu Trần Hữu Huy H1 cho chị L2 nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hữu Hoàng H2 cho anh L1 nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về tài sản chung*:* Hội xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm, chị L2 và anh L1 đều thừa nhận không có nợ chung, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết về phần tài sản chung là đúng pháp luật. Do vậy, kháng cáo của chị L2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết về tài sản chung của vợ chồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu ở cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét

giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, chị Phan Thị Bích L2 không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Bích L2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Hữu L1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Bích L2 không được chấp nhận nên chị Phan Thị Bích L2 phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Bích L2, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2019/ HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Hữu L1 và chị Phan Thị Bích L2 ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Hữu Hoàng H2, sinh ngày 18/4/2011 cho anh Trần Hữu L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, trưởng thành.

Giao cháu Trần Hữu Huy H1, sinh ngày 10/8/2003 cho chị Phan Thị Bích L2 trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Trần Hữu L1 và chị Phan Thị Bích L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hữu L1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng anh Lợi đã nộp theo Biên lai thu số 0020872 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phan Thị Bích L2 phải chịu 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng chị L2 đã nộp theo Biên lai thu số 0021164 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (14-10-2019).

Nơi nhận:
- TAND huyện T
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các Thẩm phán** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND huyện Thăng Bình
- VKSND huyện Thăng Bình
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình
- Đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Các Thẩm phán** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Đình Bảy** **Đinh Văn Long** **Nguyễn Thị Liên**

Nơi nhận:
- TAND huyện Quế Sơn
- VKSND huyện Quế Sơn
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- Đương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Thị Liên**

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Anh Võ Duy Trinh trình bày: Về kinh tế chị Trang chưa có công việc và thu nhập ổn định, chỉ là nhân viên hợp đồng của Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn với mức lương 4.000.000 đồng/ tháng, không đảm bảo cuộc sống cho con. Về nhân thân chị Trang có hành vi ngoại tình, chị Trang từng bỏ con 10 tháng tuổi cho ông bà nội nuôi

dưỡng chỉ vì sự cãi vả nhỏ nhặt giữa vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị Trang về nhà cha mẹ ruột, điều kiện kinh tế khó khăn, giao thông đi lại không thuận lợi, chỗ ở cách xa trường họ của cháu Trí, ông bà ngoại thường xuyên lao động xa nhà, chị Trang phải đảm bảo các ca trực chuyên môn, nhất là thời gian trực ban đêm, cả ngày thứ bảy, Chủ nhật sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc con. Trong khi bản thân anh Trinh có thu nhập ổn định hơn, gia đình cha mẹ anh có cuộc sống ổn định, có điều kiện về kinh tế, có thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đảm bảo điều kiện phát triển tốt hơn. Do đó, chị Trang không đủ điều kiện trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con nên anh đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con cho anh.

Chị Đặng Lê Mỹ Trang trình bày: Chị Trang hiện có công việc thu nhập ổn định lương hằng tháng và các khoản thu nhập là 6.000.000 đồng/ tháng và hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại Thôn 3, xã Quế Long, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Cháu Võ Duy Minh Trí hơn 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị Trang đang công tác tại Trung tâm y tế huyện Quế Sơn, với mức lương cơ bản, ổn định; có kiến thức về y tế để chăm sóc sức khỏe cháu Trí. Chị cũng là người thường xuyên chăm sóc, đưa đón cháu Trí đi học và tự chăm lo cho cháu Trí, anh Trinh không đưa tiền lương cho chị, hiện nay cháu Trí đang ở với mẹ. Anh Trinh cho rằng chị Trinh ngoại tình, bỏ con nhưng không đưa ra được chứng cứ. Do vậy chị Trang xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị Trang đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.